

CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

I. Giới thiệu:

1. Tên dự toán mua sắm: Rà soát, thống kê, phân loại diện tích đất giao khoán đất lâm nghiệp và rừng trồng của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nằm xen kẽ trong rừng phòng hộ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng (cũ).

2. Tên gói thầu: Rà soát, thống kê, phân loại diện tích đất giao khoán đất lâm nghiệp và rừng trồng của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nằm xen kẽ trong rừng phòng hộ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng (cũ).

3. Tên chủ đầu tư: (cơ quan thực hiện dự án): Ban Quản lý rừng phòng hộ Đà Nẵng.

4. Tổng mức đầu tư: 1.946.873.000 đồng (Một tỷ, chín trăm bốn mươi sáu triệu tám trăm bảy mươi ba nghìn đồng)

5. Thời gian thực hiện: Quý III/2025 - đến Quý II/2026.

6. Địa điểm, quy mô: Trong diện tích quy hoạch rừng phòng hộ (PH) trên địa bàn phường Hòa Khánh, phường Liên Chiểu, Phường Hải Vân, xã Hoà Tiến, xã Hòa Vang và xã Bà Nà, thành phố Đà Nẵng.

- Quy mô: 1.537,68 ha;

7. Mục đích tuyển chọn nhà thầu:

- Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về rừng và đất lâm nghiệp, tăng cường quản lý 3 loại rừng một cách toàn diện trên cơ sở rà soát, điều chỉnh đất đai đúng quy hoạch và bố trí đất hợp lý đảm bảo quyền lợi của người dân đối với diện tích đất rừng sản xuất, đất trồng cây lâu năm, đất nông nghiệp, đất ở thuộc quyền sử dụng hợp pháp nay thuộc quy hoạch rừng phòng hộ; giúp chính quyền địa phương, Ban Quản lý rừng phòng hộ từng bước lập hồ sơ quản lý và tổ chức quản lý có hiệu quả diện tích được giao đúng quy chế quản lý rừng theo quy định của pháp luật.

- Làm cơ sở để các địa phương đơn vị xây dựng phương án giải quyết quyền lợi cho người dân đối với đất rừng sản xuất, đất trồng cây lâu năm, đất nông nghiệp, đất ở thuộc quyền sử dụng hợp pháp của người dân nay thuộc quy hoạch rừng phòng hộ nhằm đảm bảo công tác bảo vệ, phát triển rừng theo quy hoạch cũng như giải quyết các bức xúc, nhu cầu cần thiết yếu của người dân về đất ở, đất sản xuất, góp phần ổn định dân cư, tạo công ăn việc làm cho người dân lao động sản xuất bằng nghề rừng theo hướng kinh doanh hiện đại, nâng cao thu nhập, giảm phụ thuộc vào rừng tự nhiên.

II. Phạm vi công việc:

1. Mô tả chi tiết phạm vi công việc đối với nhà thầu, nguồn vốn...

1.1 Thu thập các tài liệu và bản đồ cần thiết để thực hiện dự án

- Khảo sát hiện trường khu vực điều tra để có thông tin ban đầu phục vụ xây dựng thiết kế kỹ thuật;

- Bản đồ hành chính cấp xã mới;

- Bản đồ hiện trạng và quy hoạch sử dụng đất của xã mới;

- Bản đồ phê duyệt điều chỉnh, bổ sung quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng thành phố Đà Nẵng (cũ) giai đoạn 2011 – 2020;

- Thu thập các tài liệu có liên quan tại khu vực điều tra (tình hình dân sinh, kinh tế - xã hội, thực trạng sản xuất lâm nghiệp,...) để phục vụ việc xây dựng Phương án;

- Một số bản đồ, tài liệu chuyên ngành có liên quan khác.

1.2. Công tác chuẩn bị khác

- Xây dựng và Thống nhất biện pháp kỹ thuật (thống nhất kỹ thuật cho lực lượng tham gia thực hiện nhiệm vụ để thống nhất kỹ thuật thực hiện và thời gian thực hiện): 01 nhiệm vụ;

- Lập kế hoạch thực hiện nhiệm vụ (kế hoạch chi tiết thực hiện nhiệm vụ được xây dựng bao gồm các nội dung thực hiện nhiệm vụ; địa điểm thực hiện nhiệm vụ; thời gian thực hiện nhiệm vụ; nhân sự tham gia thực hiện nhiệm vụ; các sản phẩm dự kiến đạt được; báo cáo kế hoạch triển khai nhiệm vụ và các mẫu biên bản làm việc, mẫu biểu, biểu điều tra, khảo sát, mẫu biểu phỏng vấn, tham vấn): 01 nhiệm vụ;

- Chồng xếp các loại bản đồ hiện trạng, quy hoạch 03 loại rừng xây dựng bản đồ ngoại nghiệp phục vụ công tác điều tra thực địa khu vực thực hiện dự án: 06 xã/phường;

- Chuẩn bị vật tư, kỹ thuật (chuẩn bị các loại thiết bị, vật tư, dụng cụ; các mẫu báo cáo, mẫu biểu, biểu điều tra rừng phục vụ công tác điều tra thực địa): 01 nhiệm vụ.

1.3 Ngoại nghiệp

- Sơ thám làm thủ tục với chính quyền địa phương cấp xã có diện tích rừng và đất lâm nghiệp cần thực hiện điều tra ra soát trên địa bàn thành phố Đà Nẵng (cũ) (sơ thám khu rừng thực hiện nhiệm vụ điều tra; làm thủ tục hành chính với cơ quan chuyên môn, chính quyền địa phương, chủ rừng; thu thập các thông tin, tài liệu liên quan): 06 xã/phường.

+ Từ 1.000 ha đến dưới 3.000 ha: 01 xã/phường (xã Hòa Tiến);

+ Từ 3.000 ha đến dưới 5.000 ha: 02 xã/phường (xã Phường Hòa Khánh, phường Liên Chiểu);

+ Từ 10.000 ha đến dưới 30.000 ha: 02 xã/chủ rừng (xã Bà Nà, xã Hòa Vang);

+ Từ 30.000 ha trở lên: 01 xã/phường (phường Hải Vân).

- Đo đạc ranh giới chủ quản lý, ranh giới rừng phòng hộ: công tác đo đạc ranh giới đất rừng phòng hộ được thực hiện bằng phương pháp đo GPS cầm tay theo ranh giới của từng hộ dân đang canh tác trong phạm vi đất rừng phòng hộ ngoài thực địa; diện tích các lô rừng thực tế có nhiều hình dạng khác nhau. Vì vậy, Ban Quản lý rừng phòng hộ xây dựng trên cơ sở tính toán 1ha (trên cơ sở tính Chu vi hình vuông (100x100), hình chữ nhật (50x200 và 25 x 400) tổng chu vi trung bình của 3 hình này 580m). Do đó km đo đạc đường lô, đường ranh giới chủ quản lý rừng; đường ranh giới rừng phòng hộ là: $1.537,68\text{ha} \times 0,58\text{km} = 892\text{ km/ha}$.

- Điều tra khoanh vẽ chi tiết hiện trạng rừng tự nhiên, rừng trồng, đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hàng năm và các loại đất khác cho từng thửa đất của hộ dân đang canh tác trong phạm vi đất rừng phòng hộ: 1.537,68 ha.

- Phối hợp với UBND xã, chủ rừng và các đơn vị khác có liên quan đối chiếu hiện trạng và biến động sử dụng đất qua các thời kỳ nhằm xác minh tính nguồn gốc sử dụng đất: 06 xã/phường.

- Điều tra, thu thập số liệu các chỉ tiêu về hiện trạng, tình hình sinh trưởng, loài cây trồng, cấp tuổi (nếu là rừng trồng), mục đích sử dụng, chủ sử dụng và công trình, vật kiến trúc trên đất (nếu có): 707 điểm.

- Tổ chức họp thảo luận thống nhất kết quả rà soát, đo đạc (1 xã, phường/1 cuộc họp): 06 xã/Phường.

- Thu thập các tư liệu hiện có tại địa phương, cơ sở: 01 nhiệm vụ

- Làm việc thống nhất số liệu với địa phương, cơ sở: 01 nhiệm vụ.

- Kiểm tra ngoại nghiệp: 01 nhiệm vụ.

- Chuyển và rút quân: 24 người.

1.4. Nội nghiệp

- Nhập số liệu điều tra, đo đạc vào máy tính: 06 biểu (01 xã/phường/biểu).

- Tính toán thống kê, diện tích theo hiện trạng rừng, quy hoạch 03 loại rừng, chủ sử dụng rừng cho từng thửa đất đã điều tra đo đạc: 06 biểu (01 xã/phường/biểu).

- Biên tập bản đồ hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp thể hiện chi tiết ranh giới canh tác của các hộ dân trong phạm vi rừng phòng hộ trên bản từng xã/phường: 06 mảnh (01 xã/phường/mảnh).

- Căn cứ vào kết quả điều tra đo đạc, xác minh nguồn gốc đất phân tích các số liệu xây dựng từng phương án khả thi thực hiện cho từng đối tượng sử dụng đất phục vụ công tác viết báo cáo: 01 báo cáo.

- Tổng hợp số liệu phân tích xây dựng báo cáo kết quả điều tra rà soát, phân loại thống kê diện tích giao khoán đất lâm nghiệp, rừng trồng và diện tích khác của người dân trong rừng phòng hộ trên địa bàn Thành phố Đà Nẵng (cũ) và đề xuất phương án giải quyết cho từng đối tượng: 01 báo cáo.

- Chính sửa tài liệu, báo cáo sau khi lấy ý kiến các đơn vị có liên quan: 1 báo cáo.

- Kiểm tra nội nghiệp: 1 nhiệm vụ.

- Phục vụ: Nhân công phục vụ: 01 nhiệm vụ.

- Quản lý của đơn vị tư vấn: Chi phí quản lý: 01 nhiệm vụ.

1.5. Nguồn vốn: Nguồn ngân sách thành phố Đà Nẵng.

1.6. Đối tượng và phạm vi:

1.6.1. Phạm vi: trên địa bàn các 06 đơn vị hành chính cấp xã (xã/phường) bao gồm: Hòa Tiến, Hòa Vang, Bà Nà, Hòa Khánh, Liên Chiểu và Hải Vân thuộc thành phố Đà Nẵng.

1.6.2. Đối tượng áp dụng: là diện tích giao khoán đất lâm nghiệp và rừng trồng của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nằm xen kẽ trong rừng phòng hộ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng (cũ). Rà soát, thống kê, phân loại diện tích đất giao khoán đất lâm nghiệp và rừng trồng của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nằm xen kẽ trong rừng phòng hộ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng (cũ) trong lâm phận Ban Quản lý rừng phòng hộ Đà Nẵng.

1.4. Thời gian thực hiện gói thầu: 100 ngày.

2. Nhiệm vụ cụ thể do nhà thầu phải tiến hành trong thời gian thực hiện gói thầu tư vấn

1. Nhiệm vụ

- Điều tra, đo đạc ngoài thực địa và xây dựng bản đồ khu vực đất rừng sản xuất, đất trồng cây lâu năm, đất nông nghiệp, đất ở thuộc quyền sử dụng hợp pháp của người dân nay thuộc quy hoạch rừng phòng hộ.

- Xác định diện tích rừng, đất rừng theo 02 nhóm: Nhóm cần giữ lại theo quy hoạch và nhóm đề xuất chuyển loại đất, loại rừng.

- Xây dựng phương án xử lý khả thi cho từng nhóm:

+ Lập phương án hỗ trợ bồi thường, giải phóng mặt bằng (GPMB) và tái định cư đối với diện tích đất rừng sản xuất, đất trồng cây lâu năm, đất nông nghiệp, đất ở thuộc quyền sử dụng hợp pháp của người dân nhưng cần thiết phải giữ lại theo quy hoạch (chỉ ưu tiên hỗ trợ bồi thường những diện tích nằm hoàn toàn trong vùng lõi các khu bảo tồn, khu vực được đánh giá xung yếu).

+ Lập Phương án giao đất rừng phòng hộ cho người dân để tổ chức sản xuất đối với diện tích đất đang canh tác có nguồn gốc từ lâu đời, đất sử dụng hợp pháp của người dân theo quy định của pháp luật và phương án bố trí lại đất sản xuất cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có đất giữ lại theo đúng quy hoạch nhưng không hỗ trợ bồi thường.

+ Lập Phương án giao khoán rừng phòng hộ cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân để tổ chức trồng, quản lý, bảo vệ, khai thác rừng theo hướng Nhà nước và người dân đồng quản lý, hưởng lợi và phương án chuyển loại rừng và đất rừng quy hoạch phòng hộ sang chức năng sản xuất, ngoài 3 loại rừng và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích này.

2. Các bước thực hiện

2.1. Thông báo tổ chức đo đạc và xác định chủ sử dụng

Căn cứ diện tích rà soát sơ bộ dựa trên cơ sở dữ liệu bản đồ kiểm kê rừng, bản đồ cập nhật diễn biến rừng năm 2024, bản đồ quy hoạch 3 loại rừng, bản đồ các chương trình dự án của Nhà nước đầu tư và Đề cương hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Đà Nẵng (cũ). Phối hợp với UBND các xã, phường có liên quan tiến hành thông báo công khai diện tích đất rừng sản xuất, đất trồng cây lâu năm, đất nông nghiệp, đất ở thuộc quyền sử dụng hợp pháp của người dân nay thuộc quy hoạch rừng phòng hộ trên phương tiện thông tin đại chúng và niêm yết tại trụ sở UBND các xã, phường, thôn, tổ có diện tích này được biết và liên hệ để bố trí thời gian đo đạc ngoài thực địa đồng thời xác định được chủ sử dụng đất.

- Nội dung, hình thức thông báo và thời hạn nhận giải quyết:

+ Nội dung thông báo: tổ chức điều tra, đo đạc diện tích đất rừng sản xuất, đất trồng cây lâu năm, đất nông nghiệp, đất ở thuộc quyền sử dụng hợp pháp của người dân nay thuộc quy hoạch rừng phòng hộ để giải quyết quyền lợi cho người dân (địa điểm, diện tích, bản đồ rà soát ban đầu).

+ Hình thức: thông báo, tổ chức họp thôn, tổ và niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã, phường và thôn, tổ trong phạm vi phương án.

+ Thời hạn nhận giải quyết: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày ra thông báo, yêu cầu các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan đến diện tích đất, rừng tại khu vực triển khai phương án đến tại UBND xã, phường đăng ký giải quyết. Nếu sau thời gian trên mà không có tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nào đến đăng ký giải quyết thì: UBND các xã, phường phối hợp với Ban quản lý rừng phòng hộ thành phố tổ chức xác lập hồ sơ quản lý đối với diện tích này.

2.2. Điều tra, đo đạc xác định hiện trạng, diện tích, mục đích sử dụng và xây dựng bản đồ.

Sau khi xác định được chủ sử dụng đối với diện tích đất rừng sản xuất, đất trồng cây lâu năm, đất nông nghiệp, đất ở thuộc quyền sử dụng hợp pháp của người dân nay thuộc quy hoạch rừng phòng hộ. UBND các xã, phường, các chủ rừng tiến hành thực hiện các nội dung như sau:

- Đơn vị tư vấn thực hiện phối hợp với UBND các xã, phường, các chủ rừng tổ chức điều tra, đo đạc ranh giới, hiện trạng từng thửa đất (có sự tham gia của chủ quản lý rừng, chủ sử dụng đất, UBND xã, phường) và chủ sử dụng phải ký xác nhận kết quả điều tra, đo đạc.

- Đối với diện tích đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì căn cứ số liệu địa chính tổ chức đo đạc đối chiếu với thực địa nhằm xác định tính chính xác của kết quả trong hồ sơ địa chính (nguyên nhân: thời gian qua trong quá trình xử lý một số vụ việc đã phát hiện nhiều trường hợp sai lệch về diện tích so với kết quả đo địa chính).

2.3. Tổ chức phân nhóm diện tích rừng và đất rừng cần thiết phải giữ lại theo quy hoạch hiện nay hoặc nhóm đề xuất chuyển loại đất, loại rừng

Trên cơ sở kết quả điều tra, đo đạc, Ban Quản lý rừng phòng hộ phối hợp với UBND các phường tổ chức phân nhóm gồm:

- Nhóm giữ lại theo quy hoạch ban đầu gồm: Đất rừng sản xuất (diện tích rừng trồng, nương rẫy) thuộc quy hoạch rừng phòng hộ (nằm hoàn toàn trong vùng lõi các Khu bảo tồn).

- Nhóm đề xuất chuyển loại đất, loại rừng sang rừng sản xuất, ngoài 3 loại rừng: (i) đất trồng cây lâu năm, đất nông nghiệp, đất ở thuộc quy hoạch rừng phòng hộ, rừng đặc dụng; (ii) đất rừng sản xuất (diện tích rừng trồng, nương rẫy) không nằm trong vùng lõi các Khu bảo tồn.

Sản phẩm: Kết quả phân nhóm có bản đồ kèm theo.

2.4. Giải pháp, cơ chế giải quyết theo từng nhóm

2.4.1. Nhóm giữ lại theo quy hoạch ban đầu

2.4.1.1 Đối với diện tích rừng trồng

Tổ chức giao đất hoặc giao khoán đất rừng phòng hộ cho người dân để trồng rừng, khai thác, hưởng lợi theo quy định của pháp luật hiện hành, cụ thể:

- Lập phương án giao đất rừng phòng hộ: Điều kiện được giao đất rừng phòng hộ gồm: diện tích đất đang canh tác có nguồn gốc từ lâu đời, đất sử dụng hợp pháp của người dân theo quy định tại Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ Quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và hệ thống thông tin đất đai để xác định nội dung kê khai so với hiện trạng, nguồn gốc sử dụng đất, thời điểm sử dụng đất vào mục đích đăng ký, thời điểm tạo lập tài sản, tình trạng tranh chấp đất đai, tài sản gắn liền với đất, sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng (nếu có) đối với diện tích của hộ gia đình, cá nhân sử dụng trong khu vực quy hoạch rừng phòng hộ.

- Lập Phương án giao khoán rừng phòng hộ: Điều kiện được giao khoán rừng phòng hộ không thuộc đối tượng được giao đất, phương án giao khoán như sau:

+ Đối với diện tích rừng trồng đã đến tuổi khai thác: Thống nhất cho các hộ dân khai thác và cam kết trả lại đất. Sau khi khai thác xong, Ban quản lý rừng, UBND các xã, phường sẽ ký hợp đồng giao khoán để người dân triển khai trồng rừng, chăm sóc, bảo vệ, khai thác rừng và hưởng lợi theo đúng quy chế quản lý rừng phòng hộ.

+ Đối với diện tích rừng trồng chưa đến tuổi khai thác: Cá nhân, hộ gia đình làm cam kết trả lại đất để Ban Quản lý rừng phòng hộ, UBND các xã, phường có cơ sở làm hợp đồng giao khoán tiếp tục quản lý bảo vệ cho đến khi khai thác. Đến tuổi khai thác các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình được khai thác theo quy định. Sau khi khai thác xong, Ban Quản lý rừng phòng hộ, UBND các xã, phường sẽ ký hợp đồng giao khoán để tiếp tục trồng rừng, chăm sóc, bảo vệ, khai thác rừng và hưởng lợi theo đúng quy chế quản lý rừng phòng hộ.

- Việc quản lý và sử dụng đất rừng phòng hộ thực hiện theo quy định của Luật Đất đai 2013, Luật Lâm nghiệp và các quy định hiện hành.

2.4.1.2. Đối với diện tích nương rẫy

Nằm trong quy hoạch rừng phòng hộ: Tổ chức giao đất hoặc giao khoán đất rừng phòng hộ cho người dân để trồng rừng, khai thác, hưởng lợi theo quy chế quản lý rừng phòng hộ. Điều kiện được giao đất và giao khoán đất rừng phòng hộ như Điểm b, Mục 2.4.1.1 (đối với phương án giao khoán đất rừng phòng hộ thì người dân phải làm cam kết trả lại đất để Ban Quản lý rừng phòng hộ, UBND các xã, phường có cơ sở làm hợp đồng giao khoán lại cho cá nhân, hộ gia đình tiếp tục sử dụng và phải thực hiện việc trồng rừng ngay trên diện tích này để đảm bảo khả năng phòng hộ).

2.4.1.3. Đối với diện tích đất rừng quy hoạch phòng hộ đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: người dân phải cam kết trồng rừng và khai thác, hưởng lợi theo đúng quy chế quản lý rừng phòng hộ.

2.4.2. Nhóm chuyên loại đất, loại rừng sang rừng sản xuất, ngoài 3 loại

rừng (gồm: diện tích đất trồng cây lâu năm, đất nông nghiệp, đất ở thuộc quy hoạch rừng phòng hộ; đất rừng sản xuất (diện tích rừng trồng, nương rẫy) không nằm trong vùng lõi các Khu bảo tồn)

- Diện tích rừng trồng của người dân không nằm trong vùng lõi các Khu bảo tồn có thể đề xuất chuyển quy hoạch từ rừng phòng hộ sang quy hoạch rừng sản xuất;

- Diện tích đất trồng cây lâu năm, đất nông nghiệp, đất ở của người dân không nằm trong vùng lõi các Khu bảo tồn có thể đề xuất đưa ra ngoài quy hoạch 03 loại rừng.

2.5. Cam kết trồng rừng và khai thác khi được giao đất, giao khoán đất rừng phòng hộ

Người dân đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc thuộc nhóm được giao đất, giao khoán đất rừng phòng hộ theo phương án này, phải cam kết thực hiện trồng rừng và khai thác theo đúng quy chế quản lý rừng phòng hộ. Trường hợp người dân không cam kết thực hiện trồng rừng và khai thác theo tiêu chí rừng phòng hộ hoặc không còn nhu cầu sử dụng diện tích đất rừng đã được cấp UBND phường lập thủ tục thu hồi toàn bộ diện tích đất rừng theo quy định và bổ sung diện tích đất này vào kế hoạch trồng rừng phòng hộ của các địa phương, Ban Quản lý rừng phòng hộ thực hiện.

2.6. Cơ chế hưởng lợi khi người dân được giao đất, giao khoán đất rừng phòng hộ để trồng rừng, khai thác

Được hưởng lợi theo quy định của Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ và một số cơ chế khác trong trồng rừng và khai thác rừng như:

- Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được khai thác cây trồng hiện có trên đất khi đến tuổi khai thác; được trồng lại rừng và hưởng toàn bộ sản phẩm trên diện tích trồng cây phù trợ khi đến tuổi khai thác; được chặt chọn cây trồng chính khi đạt tiêu chuẩn khai thác theo quy định của pháp luật.

- Được Nhà nước hỗ trợ vốn (theo các chương trình, dự án của Nhà nước và các dự án khác) nếu có.

- Được tiếp tục trồng lại cây phù trợ nhằm mục đích cải tạo đất trên toàn bộ diện tích từ 01 đến 02 chu kỳ tiếp theo và chuyển dần sang trồng cây trồng chính (các loài cây bản địa gỗ lớn) tỷ lệ về diện tích từ 30-60% tùy theo mục đích kinh doanh rừng nhưng đảm bảo theo quy chế quản lý rừng phòng hộ (đảm bảo mật độ của loài cây trồng chính từ 400 cây/ha trở lên) nếu sau 1-2 chu kỳ trồng cây phù trợ để cải tạo đất đánh giá đất đó đủ điều kiện để trồng cây bản địa; trong trường hợp đất không đủ điều kiện trồng cây bản địa thì tiếp tục trồng cây phù trợ trong chu kỳ tiếp theo để tiếp tục cải tạo đất nhưng dần chuyển hóa sang trồng cây gỗ lớn có chu kỳ khai thác từ 7-10 năm.

- Mật độ trồng:

+ Cây phù trợ: Người dân được giao đất, nhận khoán trồng rừng có thể trồng với mật độ tương ứng phù hợp với mục đích kinh doanh rừng (thực tế mật độ trồng rừng sản xuất hiện nay của người dân đối với loài cây keo từ 5.000- 7.000

cây/ha);

+ Cây trồng chính (cây bản địa): Tùy theo điều kiện cụ thể của từng loại rừng phòng hộ và chọn loài cây trồng để xác định mật độ trồng phù hợp, đảm bảo mật độ của loài cây trồng chính từ 400 cây/ha trở lên;

- Mô hình và phương thức trồng rừng: Đối với nơi điều kiện lập địa xấu, nghèo dinh dưỡng được phép trồng thuần loài theo đám các cây mọc nhanh (cây phù trợ) từ 01 đến 02 chu kỳ đầu tiên nhằm cải tạo đất hoặc trồng hỗn loài theo đám giữa cây phù trợ và cây bản địa để cải tạo đất và tăng thu nhập (nếu đất đủ điều kiện trồng các loài cây bản địa), diện tích mỗi đám không lớn hơn 3,0 ha. Đối với mô hình trồng hỗn loài được thiết kế đối với những loài cây có tốc độ sinh trưởng và phát triển ít tương đồng nhau. Mỗi mô hình trồng hỗn loài có từ 02 loài cây trở lên, trong đó: có thể trồng xen 01 loài cây (cây phù trợ) phục vụ cho mục đích cải tạo đất và kinh tế (kinh doanh gỗ lớn hoặc gỗ nguyên liệu). Tỷ lệ trồng hỗn loài theo đám giữa cây trồng chính và cây phù trợ tùy theo mục đích kinh doanh rừng có thể trồng cây trồng chính từ 30-60% diện tích nhưng đảm bảo theo quy chế quản lý rừng phòng hộ (đảm bảo mật độ của loài cây trồng chính từ 400 cây/ha trở lên).

- Khai thác rừng phòng hộ: Tổ chức khai thác rừng trồng trong rừng phòng hộ theo Khoản 3, Điều 20, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP, cụ thể được khai thác trắng theo đám nhưng không quá 3,0 ha, hằng năm chủ rừng lập phương án khai thác rừng trên toàn bộ lâm phận nhưng không vượt quá 20% tổng diện tích rừng đã đạt tiêu chuẩn phòng hộ. Như vậy chủ rừng có thể điều tiết diện tích khai thác của người dân khi cây trồng đến tuổi khai thác (chu kỳ 5 năm) và người dân được khai thác toàn bộ diện tích rừng trồng khi đến tuổi khai thác nhưng vẫn đảm bảo đúng quy định.

Bảng mô tả các nhiệm vụ cụ thể do nhà thầu phải tiến hành trong thời gian thực hiện gói thầu tư vấn

STT	Mô tả công việc	Khối lượng	Đơn vị tính
1	Công tác chuẩn bị		
1.1	Thu thập tài liệu, tư liệu liên quan phục vụ nhiệm vụ	1	Nhiệm vụ
1.2	Thiết kế kỹ thuật thực hiện nhiệm vụ	1	Nhiệm vụ
1.3	Thống nhất biện pháp kỹ thuật	1	Nhiệm vụ
1.4	Lập kế hoạch thực hiện nhiệm vụ	1	Nhiệm vụ
1.5	Chồng xếp bản đồ, xác định diện tích cần kiểm tra thực hiện	6	xã, phường
1.6	Chuẩn bị vật tư, kỹ thuật	1	Nhiệm vụ
2	Ngoại nghiệp		
2.1	Sơ thám làm thủ tục hành chính với địa phương		
2.2	Từ 500 ha đến dưới 1.000 ha (xã Hoà Tiến)	1	xã, phường

2.3	Từ 3000 ha đến dưới 5.000 ha (phường Hòa Khánh, phường Liên Chiểu)	2	xã, phường
2.4	Từ 10.000 ha đến dưới 30.000 ha (xã Hòa Vang, Xã Bà Nà)	2	xã, phường
2.5	Từ 30.000 ha trở lên (Phường Hải Vân)	1	xã, phường
2.6	Di chuyển quân trong khu điều tra (trung bình 10km/1 xã, phường)	60,00	km
2.7	Đo đạc đường lô, đường ranh giới chủ quản lý rừng; đường ranh giới rừng phòng hộ (tạm tính bình quân 0,58 km/ha)	892	km
2.8	Điều tra, khoanh vẽ hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp	1.537,68	ha
2.9	Điều tra, thu thập số liệu, đánh giá biến động sử dụng đất lâm nghiệp qua các thời kỳ (1 xã, phường/1 điểm điều tra)	6,00	Điểm điều tra
2.10	Điều tra, thu thập số liệu các chỉ tiêu về hiện trạng, tình hình sinh trưởng, loài cây trồng, cấp tuổi (nếu là rừng trồng), mục đích sử dụng, chủ sử dụng và công trình, vật kiến trúc trên đất (nếu có)	707	Điểm điều tra
2.11	Tổ chức họp thảo luận thống nhất kết quả rà soát, đo đạc (1 xã, phường/1 cuộc họp)	6	cuộc họp
2.12	Điều tra thu thập tư liệu hiện có tại địa phương, cơ sở	1	Nhiệm vụ
2.13	Làm việc thống nhất số liệu với địa phương, cơ sở	6	xã, phường
2.14	Chuyển quân, rút quân (<200km)	24	người
3	Nội nghiệp		
3.1	Nhập số liệu điều tra vào máy tính theo các biểu điều tra (1 xã, phường/1 biểu)	6	Biểu
3.2	Tính toán thống kê các loại biểu khác (1 xã, phường/1 biểu)	6	Biểu
3.3	Biên tập trình bày bản đồ hiện trạng rừng cấp xã (1 xã, phường/1 mảnh)	6	Mảnh
3.4	Phân tích số liệu phục vụ viết báo cáo thuyết minh	1	Chủ rừng
3.5	Viết báo cáo thuyết minh phương án	1	Chủ rừng
3.6	Chỉnh sửa tài liệu, báo cáo sau hội nghị, hội thảo	1	Báo cáo
3.7	In ấn, giao nộp tài liệu, thành quả	1	Nhiệm vụ

3. Dự kiến thời gian chuyên gia bắt đầu thực hiện DVTV: Tháng 01 năm 2026.

III. Báo cáo và thời gian thực hiện:

1. Kết quả giao nộp

1.1 Giải quyết quyền lợi cho người dân

Báo cáo giải quyết quyền lợi cho người dân đối với đất rừng sản xuất, đất trồng cây lâu năm, đất nông nghiệp, đất ở thuộc quyền sử dụng hợp pháp của người dân nay thuộc quy hoạch rừng phòng hộ. Cụ thể:

- Nhóm đề xuất chuyển loại đất, loại rừng: Kết quả rà soát diện tích giải quyết quyền lợi cho người dân đối với đất rừng sản xuất, đất trồng cây lâu năm, đất nông nghiệp, đất ở thuộc quyền sử dụng hợp pháp của người dân nay thuộc quy hoạch rừng phòng hộ, rừng đặc dụng (Phương án chuyên loại rừng và đất rừng quy hoạch phòng hộ, đặc dụng sang chức năng sản xuất, ngoài 3 loại rừng và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích này..

- Nhóm cần giữ lại theo quy hoạch thì cần có kế hoạch xây dựng Phương án giải quyết như:

+ Lập Phương án giao đất rừng phòng hộ cho người dân để tổ chức sản xuất đối với diện tích đất đang canh tác có nguồn gốc từ lâu đời, đất sử dụng hợp pháp của người dân theo quy định của pháp luật và phương án bố trí lại đất sản xuất cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có đất giữ lại theo đúng quy hoạch nhưng không hỗ trợ bồi thường.

+ Lập Phương án giao khoán rừng phòng hộ cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân để tổ chức trồng, quản lý, bảo vệ, khai thác rừng theo hướng Nhà nước và người dân đồng quản lý, hưởng lợi.

1.2. Điều chỉnh quy hoạch, đảm bảo theo Nghị quyết 83/NQ-CP ngày 07/10/2019.

- Có đề xuất Phương án điều chỉnh các loại đất loại rừng cho phù hợp với quy hoạch và thực tế ở địa phương. Cụ thể:

+ Giữ nguyên diện tích rừng tự nhiên chức năng sản xuất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tham gia các dự án

+ Đưa toàn bộ diện tích rừng tự nhiên ngoài quy hoạch lâm nghiệp vào quy hoạch 3 loại rừng.

+ Bóc tách diện tích rừng sản xuất, đề xuất chuyển ra ngoài quy hoạch lâm nghiệp để phục vụ các dự án và sản xuất nông nghiệp của người dân.

2. Sản phẩm tư vấn

- Báo cáo kết quả điều tra rà soát, phân loại thống kê diện tích giao khoán đất lâm nghiệp, rừng trồng và diện tích khác của người dân trong rừng phòng hộ trên địa bàn Thành phố Đà Nẵng (cũ) (bao gồm: toàn bộ kết quả đo đạc, biên bản làm việc thống nhất kết quả đo đạc và các phụ lục khác kèm theo);

- Phương án đề xuất hướng giải quyết cho từng nhóm đối tượng đã điều tra rà soát;

- Bản đồ hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp thể hiện chi tiết ranh giới canh tác của các hộ dân trong phạm vi rừng phòng hộ trên bản từng xã/phường

IV. Kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu:

Nhà thầu phải đề xuất tổ chức bộ máy nhân sự thực hiện gói thầu. Bộ máy hoạt động các nhân sự phải đầy đủ, tương ứng, đáp ứng yêu cầu dự án

Nhà thầu phải trình danh sách nhân sự đầy đủ nhất đáp ứng cho từng công việc của gói thầu, trong đó phải nêu rõ vị trí công việc theo đề xuất trong HSDT

Số lượng nhân sự, năng lực kinh nghiệm nhân sự được nêu cụ thể tại Chương III của E-HSMT.

Nhà thầu phải đảm bảo rằng các nhân viên của mình làm việc tại hiện trường có đủ sức khoẻ và đang trong tình trạng tinh táo. Tuyệt đối cấm tất cả những người đang trong tình trạng say rượu, bia, chất cấm... vào nơi thi công, bất kể người đó là ai và đang chịu trách nhiệm gì. Các nhân viên làm việc ngoài hiện trường cần được trang bị bảo hộ lao động theo quy định hiện hành của Việt Nam.

V. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

Chủ đầu tư (Ban Quản lý rừng phòng hộ Đà Nẵng) phối hợp giúp đỡ đơn vị Tư vấn liên hệ với UBND các xã thông báo công khai diện tích đất rừng phòng hộ trên phương tiện thông tin đại chúng và niêm yết tại trụ sở UBND các xã, thôn có diện tích này được biết và liên hệ để bố trí thời gian đo đạc ngoài thực địa và xác định được chủ sử dụng đất. Tổng hợp ý kiến của từng tổ chức, cá nhân và hộ gia đình đang là chủ sử dụng đất, phân loại theo ý kiến hai nhóm đã đề xuất.

+ Thời hạn nhận giải quyết: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày họp, tuyên truyền tại các thôn trên địa bàn thực hiện dự án. Yêu cầu các tổ chức hộ gia đình cá nhân có liên quan đến diện tích đất rừng tại khu vực triển khai phương án đến tại UBND các xã đăng ký giải quyết. Nếu sau thời gian nêu trên mà không có tổ chức hộ gia đình nào đến đăng ký giải quyết thì Ban quản lý rừng phòng hộ Đà Nẵng phối hợp với UBND các xã có liên quan tổ chức xác lập hồ sơ quản lý diện tích này.

Cung cấp các tài liệu, phối hợp giúp đỡ đơn vị Tư vấn thu thập các tài liệu liên quan đến dự án như:

- Tài liệu dự án, đề án, quyết định thành lập, giao nhiệm vụ cho chủ rừng.
- Các tài liệu điều tra chuyên đề của khu rừng.
- Bản đồ: Bản đồ hiện trạng rừng; bản đồ cập nhật diễn biến rừng mới nhất; bản đồ giao đất, giao rừng; các loại bản đồ chuyên đề khác có liên quan
- Bản đồ và số liệu kiểm kê đất năm 2025.
- Số liệu hiện trạng tài nguyên rừng của đơn vị và các tài liệu liên quan.
- Các số liệu khác có liên quan.
- Tạm ứng và thanh toán cho đơn vị tư vấn theo hợp đồng và đảm bảo đúng quy định
- Quyết toán, thanh lý hợp đồng sau khi kết thúc công việc theo quy định.